

Số: /TTr-SNN&PTNT

Thanh Hoá, ngày tháng 01 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2026

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 3191/UBND-NN ngày 17/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc giao triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn hỗ trợ ngư dân lắp GSHT trên tàu cá tại Công văn số 1871/BNN-TCTS ngày 13/3/2020 về việc trả lời kiến nghị của địa phương về hướng dẫn hỗ trợ ngư dân lắp thiết bị GSHT trên tàu cá, theo đó: Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố ven biển xem xét kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tế địa phương có chính sách hỗ trợ ngư dân cho phù hợp để lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá và chi phí liên quan,

Để kịp thời hỗ trợ ngư dân, thực hiện đúng quy định của Luật Thủy sản và các quy định về chống khai thác IUU, tiếp tục vươn khơi bám biển góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và khắc phục cảnh báo “Thẻ vàng” của EC đối với thủy sản khai thác của Việt Nam; Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2026, với nội dung chủ yếu sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017, quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 50, theo đó các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thủy sản phải đáp ứng điều kiện: Có thiết bị giám sát hành trình (sau đây viết tắt là thiết bị GSHT) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên theo quy định của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, theo lộ trình lắp đặt thiết bị giám sát tàu cá quy định tại Điểm e, Khoản 3, Điều 44, quy định: Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên phải lắp đặt trước ngày 01/7/2019; đối với tàu làm nghề lưới kéo có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m lắp đặt trước ngày 01/01/2020 và tại Điểm d, Khoản 3, Điều 44, quy định: Chủ tàu trả

chi phí mua, lắp đặt, bảo dưỡng và dịch vụ khác cho đơn vị cung cấp thiết bị GSHT tàu cá;

- Căn cứ Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện một số giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

- Căn cứ Công văn số 1649-CV/TU ngày 13/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

- Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 07/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Căn cứ thực tiễn

Trong thời gian qua, khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, đóng góp quan trọng trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh tế biển; khai thác thủy sản đã chuyển dịch theo hướng nghề cá quy mô lớn, áp dụng công nghệ tiên tiến, tăng cường lực khai thác ở vùng biển xa bờ, đạt hiệu quả cao; quản lý hoạt động khai thác được tăng cường theo quy định mới của pháp luật và phù hợp với thông lệ, luật pháp quốc tế.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 7.187 chiếc, trong đó: số tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên: 1.315 chiếc, đây là đối tượng bắt buộc phải lắp thiết bị GSHT theo quy định tại Luật Thủy sản, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và các khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu (EC), là điều kiện bắt buộc để EC xem xét tháo gỡ cảnh báo Thẻ vàng. Tuy nhiên, đến nay số tàu cá được các chủ tàu tự lắp đặt thiết bị chưa cao, mới đạt 551 thiết bị/1.315 tàu cá, đạt 42%; trong khi đó, theo quy định tại Điểm e, Khoản 3, Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, đến ngày 01/4/2020 các tàu cá hoàn thành việc lắp đặt thiết bị GSHT.

Do tình hình khai thác hiệu quả không cao, nguồn lợi thủy sản suy giảm, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp, kéo dài, có tác động lớn đến mọi mặt đời sống xã hội. Bên cạnh đó, tàu cá của ngư dân chủ yếu được đầu tư bằng nguồn vốn đi vay cũng gặp khó khăn trong việc trả nợ. Việc lắp đặt thiết bị GSHT phát sinh chi phí (chi phí mua thiết bị từ 17 - 28 triệu đồng/thiết bị, chi phí thuê bao dịch vụ duy trì hoạt động của thiết bị từ 240.000-484.000 đồng/thiết bị/tháng) là khó khăn đối với ngư dân trong thời điểm này.

Để kịp thời hỗ trợ ngư dân thực hiện đúng quy định của Luật Thủy sản và các quy định về chống khai thác IUU, tiếp tục vươn khơi bám biển góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và khắc phục cảnh báo “Thẻ vàng” của EC đối với thủy sản khai thác của Việt Nam, việc ban hành Chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2026 là hết sức cần thiết.

II. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi áp dụng: Chính sách này hỗ trợ cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên kinh phí mua thiết bị và phí thuê bao dịch vụ thiết bị GSHT tàu cá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đăng ký tại tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là chủ tàu cá).

3. Điều kiện hỗ trợ

- Mỗi tàu cá chỉ được hỗ trợ 01 (một) lần với 01 (một) thiết bị GSHT đã được lắp đặt và một phần cước phí thuê bao dịch vụ thiết bị GSHT.

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên có các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định;

- Thiết bị GSHT lắp đặt trên tàu cá cho chủ tàu phải là thiết bị mới 100%, có chức năng đáp ứng các quy định của Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ; thiết bị GSHT phải được duy trì hoạt động thường xuyên khi tàu cá đi hoạt động trên biển. Đơn vị cung cấp thiết bị GSHT cho chủ tàu phải được Tổng cục Thủy sản công bố hoặc thông báo và được cơ quan quản lý Hệ thống giám sát tàu cá kiểm tra, xác nhận tình trạng hoạt động của thiết bị GSHT.

- Về hỗ trợ hồi tố đối với những tàu cá đã lắp đặt thiết bị GSHT từ ngày 01/7/2019 đến trước ngày chính sách này có hiệu lực:

Việc hỗ trợ hồi tố đối với những tàu cá đã lắp đặt thiết bị GSHT từ ngày 01/7/2019 trở lại đây áp dụng như đối chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá được quy định tại Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Đối với những chủ tàu lắp đặt thiết bị GSHT trên tàu cá đảm bảo tiến độ theo quy định của Luật Thủy sản, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ, chủ tàu đã lắp thiết bị GSHT từ ngày 01/7/2019 trở lại đây có nhu cầu thụ hưởng chính sách này, cần phải cung cấp đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo các điều kiện của chính sách nêu trên mới được hỗ trợ.

- Những trường hợp không được hỗ trợ, hoàn trả lại:

+ Chủ tàu không sử dụng thiết bị GSHT mới 100% theo quy định tại mục điều kiện hỗ trợ của chính sách này hoặc bán, cho thuê, cho mượn thiết bị GSHT được hỗ trợ từ chính sách.

+ Bán tàu cá ra ngoài phạm vi tỉnh Thanh Hóa.

+ Chủ tàu cá bán tàu cho tổ chức, cá nhân có hộ khẩu trong tỉnh nhưng không bàn giao thiết bị GSHT đã được hỗ trợ cho chủ tàu mới tiếp tục sử dụng.

4. Nội dung, định mức, hồ sơ đề nghị hỗ trợ

4.1. Hỗ trợ mua, lắp đặt thiết bị GSHT tàu cá

a) Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ sau mua, lắp đặt, 50% kinh phí mua thiết bị GSHT cho một tàu cá, nhưng không vượt quá số tiền là 10.000.000 đồng/thiết bị/tàu. Phần còn lại do chủ tàu chịu trách nhiệm đóng góp.

Cơ sở tính toán mức kinh phí hỗ trợ: Căn cứ báo giá của các đơn vị cung cấp thiết bị GSHT: Chi phí mua thiết bị GSHT có giá từ 16,9 triệu đồng đến 28 triệu đồng (các đơn vị báo giá 01 thiết bị GSHT đã VAT: Công ty Điện tử Hàng Hải Việt Nam-VIFISH.18 là 18,15 triệu đồng; VIETTEL-STRACKING là 16,9 triệu đồng; Bách Khoa - BK88VN là 19,5 triệu đồng; Bình Anh-BA-SAT1 là 20,9 triệu đồng; VNPT-VSS là 28 triệu đồng). Do đó, đề nghị mức hỗ trợ 50% kinh phí mua thiết bị GSHT, nhưng không vượt quá số tiền là 10.000.000 đồng/thiết bị/tàu.

b) Thời gian hỗ trợ: Trong năm 2021.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Chủ tàu cá sau khi đã thực hiện mua, lắp đặt thiết bị GSHT trên tàu cá, nộp 01 (một) bộ hồ sơ đến UBND cấp xã (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú), gồm các giấy tờ sau:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của chủ tàu cá (theo mẫu);
- Hồ sơ, thủ tục liên quan đến tàu cá: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản (Bản sao);
- Hóa đơn tài chính mua thiết bị GSHT tàu cá (Bản chính);
- Phiếu khai báo thông tin lắp đặt thiết bị GSHT tàu cá theo Mẫu số 01.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.
- Biên bản kiểm tra việc lắp đặt thiết bị trên tàu cá theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

4.2. Hỗ trợ kinh phí thuê bao dịch vụ thiết bị GSHT tàu cá

a) Định mức hỗ trợ: Không quá 300.000 đồng/thiết bị/tháng hoặc không quá 3,6 triệu đồng/thiết bị/năm.

Cơ sở tính toán mức kinh phí hỗ trợ: Căn cứ Văn bản số 541/TCTS-TTTS ngày 23/3/2020 của Tổng cục Thủy sản về việc đăng ký nhu cầu sử dụng thiết bị Movimar: Cước thuê bao dịch vụ vệ tinh do Công ty VISHIPEL cung cấp hàng tháng (12 bản tin/ngày) cho thiết bị Movimar là 484.000 đồng/tháng; theo báo giá của các đơn vị cung cấp dịch vụ thiết bị GSHT, đối với gói cước tiêu chuẩn nhấn tự động truyền qua hệ thống vệ tinh tối thiểu 12 vị trí/ngày với tần suất 02 giờ/lần có giá cước từ 250.000 đồng đến 360.000 đồng/thiết bị/tháng, tương đương từ 3 triệu đồng đến 4,32 triệu đồng/thiết bị/năm (cước phí thuê bao dịch vụ thiết bị

GSHT đã VAT của một số đơn vị: VIFISH.18 là 360.000 đồng/tháng; VIETTEL là 330.000 đồng/tháng; VNPT là 250.000 đồng/tháng; Bách Khoa là 330.000 đồng/tháng; Bình Anh là 350.000 đồng/tháng). Do đó, đề nghị mức hỗ trợ không quá 300.000 đồng/thiết bị/tháng hoặc hỗ trợ 3,6 triệu đồng/thiết bị/năm.

b) *Thời gian hỗ trợ*: Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 01/7/2026, trong thời gian 05 năm (60 tháng).

c) *Hồ sơ đề nghị hỗ trợ*:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của chủ tàu cá (theo mẫu);
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (Bản sao);
- Hóa đơn cước phí thuê bao của đơn vị cung cấp dịch vụ (Bản chính);
- Văn bản của Chi cục Thủy sản xác nhận duy trì hoạt động của thiết bị (theo mẫu tại Hệ thống giám sát tàu cá).

5. Trình tự và thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Hàng tháng, UBND các xã, phường (sau đây gọi là UBND cấp xã) tổng hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các chủ tàu gửi UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện) xem xét, thẩm định. Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của UBND cấp xã, UBND cấp huyện tiến hành thẩm định, lập danh sách kèm theo hồ sơ của chủ tàu đủ điều kiện nhận hỗ trợ kinh phí mua thiết bị GSHT, phí thuê bao dịch vụ thiết bị GSHT, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT. Trong trường hợp chủ tàu không đáp ứng đủ điều kiện nhận tiền hỗ trợ, UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do, gửi UBND cấp xã, chủ tàu cá.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách kèm theo hồ sơ của chủ tàu đủ điều kiện hỗ trợ và báo cáo kết quả thẩm định của UBND cấp huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xem xét, thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ cho chủ tàu và gửi kết quả đến Kho bạc Nhà nước để chi trả cho chủ tàu. Trong trường hợp chủ tàu không đáp ứng đủ điều kiện nhận tiền hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do, gửi UBND cấp huyện, cấp xã, chủ tàu cá.

6. Nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện chính sách

a) Hỗ trợ một lần sau đầu tư mua thiết bị GSHT tàu cá:

1.315 thiết bị x 10.000.000 đồng/thiết bị = 13.150.000.000 đồng.

b) Hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ thiết bị GSHT tàu cá:

- Kinh phí hỗ trợ hàng năm là: 1.315 thiết bị x 3.600.000 đồng/năm = 4.734.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ (05 năm) là: 23.670.000.000 đồng. Trong đó: Hỗ trợ năm 2021 (từ 01/7 đến 31/12/2021) là: 2.367.000.000 đồng.

Tổng kinh phí hỗ trợ của chính sách, giai đoạn 2021-2026 là: 36.820.000.000 đồng (*Số tiền bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng*).

c) Kinh phí hỗ trợ năm 2021 là: 15.517.000.000 đồng (*Số tiền bằng chữ: Mười lăm tỷ, năm trăm mười bảy triệu đồng*). Cụ thể:

- Hỗ trợ mua thiết bị GSHT là 13.150.000.000 đồng.
- Hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ thiết bị GSHT: 2.367.000.000 đồng.

d) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện ven biển hướng dẫn, phổ biến các quy định của chính sách hỗ trợ mua thiết bị và cước phí thuê bao dịch vụ thiết bị GSHT tàu cá cho chủ tàu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xem xét, thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách chủ tàu cá được hỗ trợ theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan đề xuất nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách chủ tàu cá được hỗ trợ theo quy định.

- Căn cứ vào quyết định phê duyệt danh sách chủ tàu cá được hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh để chi trả cho chủ tàu.

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Hướng dẫn, kiểm tra và chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp huyện chi trả tiền hỗ trợ cho chủ tàu sau khi có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh và lệnh chi tiền của Sở Tài chính; cấp tiền cho ngư dân theo đúng quy định, bảo đảm kịp thời và chính xác.

4. UBND cấp huyện

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, phổ biến các quy định của chính sách hỗ trợ mua thiết bị và cước phí thuê bao dịch vụ thiết bị GSHT tàu cá cho chủ tàu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Chỉ đạo UBND cấp xã tổng hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ tàu và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan của cấp huyện tiến hành thẩm định, lập danh sách chủ tàu đủ điều kiện nhận hỗ trợ theo chính sách này, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT theo đúng thời gian quy định.

5. UBND cấp xã: Tổng hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ tàu cá gửi UBND cấp huyện để xem xét thẩm định; tuyên truyền, hướng dẫn các quy định của chính sách này đến chủ tàu/ngư dân trên địa bàn.

6. Chủ tàu cá: Chủ tàu phải cam kết bảo quản, sử dụng thiết bị GSHT đã lắp đặt trên tàu cá được hỗ trợ theo quy định. Có trách nhiệm hoàn trả 100% kinh phí được tỉnh hỗ trợ tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện khi chủ tàu vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định tại chính sách này.

7. Các đơn vị cung cấp thiết bị GSHT tàu cá: Tổ chức thực hiện cung cấp thiết bị, thuê bao dịch vụ theo đúng quy định của pháp luật và các yêu cầu, trách nhiệm của đơn vị được quy định tại Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ; thông báo kịp thời những chủ tàu cá ngắt kết nối thiết bị đến đơn vị quản lý hệ thống giám sát tàu cá theo quy định.

Trong quá trình tổ chức, thực hiện chính sách này, nếu có khó khăn vướng mắc các sở, ngành, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp chỉ đạo, giải quyết kịp thời.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCTS.

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường

Mẫu số: 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa;
- UBND huyện, thị xã, thành phố:.....;
- UBND phường/ xã.....

Chủ tàu cá:

Số CMND/thẻ CCCD:; Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại:

Số đăng ký: TH.....TS; Chiều dài lớn nhất của tàu (Lmax): mét;

Tổng công suất:CV; Nghề khai thác:

Tôi đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền hỗ trợ:

1. Thiết bị giám sát hành trình (loại thiết bị sử dụng):

- Ký hiệu thiết bị:.....; nhà sản xuất/đơn vị cung cấp:

- Số tiền đề nghị hỗ trợ:.....

2. Cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình

- Cước thuê bao:.....đồng/tháng;

- Đơn vị cung cấp dịch vụ:

- Số tiền đề nghị hỗ trợ:.....

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ:

(Bằng chữ:))

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ và chịu mọi trách nhiệm theo các quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2021 của Chủ tịch UBND tỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

....., ngày.....tháng.....năm 20....

XÁC NHẬN CỦA UBND
XÃ/PHƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA LẮP ĐẶT THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH
TRÊN TÀU CÁ**

Căn cứ Điểm d, Khoản 3, Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Hôm nay, ngày ... /.../20...., tại

Các thành phần kiểm tra, nghiệm thu gồm:

1. Chi cục Thủy sản Thanh Hóa

- Ông:; Chức vụ:.....

- Ông:; Chức vụ:

2. Đơn vị cung cấp thiết bị GSHT:.....

- Ông:; Chức vụ:

- Ông:; Chức vụ:.....

3. Chủ tàu cá:

- Ông (Bà): ; Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Số CMND:, ngày cấp, nơi cấp:

- Số đăng ký: TH-.....- TS; Chiều dài lớn nhất:.....; Công suất:..... CV.

Đã tiến hành kiểm tra lắp đặt thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá, với những nội dung sau:

1. Tên thiết bị:

2. Ký hiệu máy:

3. Nhà cung cấp :

4. Tình trạng máy: *(ghi rõ thiết bị mới hay cũ, tình trạng hoạt động có đảm bảo các thông số)*.....

Thiết bị GSHT lắp đặt trên tàu cá (đảm bảo/không đảm bảo):.....

theo quy định tại Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CCP.

Các bên thống nhất, thông qua các kết quả kiểm tra như đã nêu ở trên và ký vào biên bản kiểm tra.

Biên bản được lập thành bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau./.

CHI CỤC THỦY SẢN
(ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CUNG CẤP
THIẾT BỊ GSHT

CHỦ TÀU